

Số: 505/2022/QĐST-HNGĐ

Nha Trang, ngày 08 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 826/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 giữa:

\* *Nguyên đơn*: Anh **Trần Ngọc T**, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Tổ 4 Phú Vinh, xã VT, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.

\* *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị Minh T**, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Tổ 4 Phú Vinh, xã VT, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2022;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Trần Ngọc T và chị Nguyễn Thị Minh T.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trần Ngọc T và chị Nguyễn Thị Minh T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Giao con chung là cháu Trần Ngọc Phương L, sinh ngày 29/9/2018 cho chị Nguyễn Thị Minh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình các bên có thể yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng và người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Trần Ngọc T và chị Nguyễn Thị Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Anh Trần Ngọc T và chị Nguyễn Thị Minh T mỗi người phải nộp 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh T tự nguyện nộp thay án phí cho chị T. Như vậy, anh T phải nộp 150.000đ

(Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002074 ngày 29/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z. Hoàn lại cho anh T 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố Z;
- CC THADS thành phố Z;
- UBND xã VT, TP. Z (Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 16/4/2018);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Hạng**